

Số : / PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
NĂM 2019 SO VỚI NĂM 2018 (SAU KIỂM TOÁN)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội,

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 (sau kiểm toán) như sau:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : 18.530.306.167 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 : 26.721.653.592 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm so với năm 2018 là 8.191.347.425 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 30,65%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2019 (1)	Năm 2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	98.372.330.448	105.993.480.848	(7.621.150.400)	92,81%
- <i>Doanh thu bán điện</i>	<i>98.372.330.448</i>	<i>105.993.480.848</i>	<i>(7.621.150.400)</i>	<i>92,81%</i>
2. Giá vốn hàng bán	51.074.880.943	49.038.622.792	2.036.258.151	104,15%
- <i>Chi phí bán điện</i>	<i>51.074.880.943</i>	<i>49.038.622.792</i>	<i>2.036.258.151</i>	<i>104,15%</i>
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	47.297.449.505	56.954.858.056	(9.657.408.551)	83,04%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	465.587.269	673.096.883	(207.509.614)	69,17%
5. Chi phí tài chính	17.859.120.083	17.241.757.793	617.362.290	103,58%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.834.440.356	11.813.078.532	(978.638.176)	91,72%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.069.476.335	28.573.118.614	(9.503.642.279)	66,74%
9. Thu nhập khác	4.426.539.560	89.420.519	4.337.119.041	4.950,25%
10. Chi phí khác	4.375.595.060	6.791.170	4.368.803.890	64.430,65%
11. Lợi nhuận khác	50.944.500	82.629.349	(31.684.849)	61,65%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.120.420.835	28.655.747.963	(9.535.327.128)	66,72%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	590.114.668	1.934.094.371	(1.343.979.703)	30,51%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.530.306.167	26.721.653.592	(8.191.347.425)	69,35%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2019 giảm 30,65% so với năm 2018 như sau:

Mặc dù PC3-INVEST đã tổ chức công tác vận hành chủ động, an toàn và thực hiện bảo trì các nhà máy thủy điện đúng kế hoạch đảm bảo sẵn sàng vận hành đúng công suất thiết kế, nhưng do thời tiết khu vực miền Trung biến đổi bất thường, khô hạn kéo dài, thiếu nước để phát điện, đặc biệt tại khu vực NMTĐ Đắk Pône, vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Nội dung	Năm 2019	So sánh với kế hoạch năm 2019	So sánh cùng kỳ năm trước
Sản lượng	77.015.460 kWh	77,98%	86,10%
- NMTĐ Đắk Pône	54.284.149 kWh	90,72%	82,67%
- NMTĐ Đa Krông 1	22.731.311 kWh	58,39%	95,55%
Doanh thu	98,37 tỷ đồng	91,64%	92,81%
- NMTĐ Đắk Pône	63,26 tỷ đồng	100,94%	89,72%
- NMTĐ Đa Krông 1	35,11 tỷ đồng	78,60%	98,96%

Bên cạnh đó, do sản lượng điện thương phẩm của nhà máy thủy điện Đa Krông 1 giảm thấp hơn thiết kế nên PC3-INVEST phải thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng), yếu tố này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của PC3-INVEST trong năm 2019.

2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : - 9.783.165.366 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 : -11.861.456.861 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm lỗ hơn so với năm 2018 là 2.078.291.495 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm lỗ 17,52%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Năm 2019 (1)	Năm 2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV				
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV				
4. Doanh thu hoạt động tài chính	465.564.094	673.096.883	(207.532.789)	69,17%
5. Chi phí tài chính	7.592.694	93.008.442	(85.415.748)	8,16%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.654.826.098	10.590.080.280	(935.254.182)	91,17%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(9.196.854.698)	(10.009.991.839)	813.137.141	91,88%
9. Thu nhập khác	4.379.399.060	89.420.519	4.289.978.541	4.897,53%
10. Chi phí khác	4.375.595.060	6.791.170	4.368.803.890	64.430,65%
11. Lợi nhuận khác	3.804.000	82.629.349	(78.825.349)	4,60%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.193.050.698)	(9.927.362.490)	734.311.792	92,60%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	590.114.668	1.934.094.371	(1.343.979.703)	30,51%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(9.783.165.366)	(11.861.456.861)	2.078.291.495	82,48%

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC, đăng web.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**